

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 8 – 2022
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cảnh

Ông Trần Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984 (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/5/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, ghen tuông vô cớ nên vợ chồng đã sống ly

thân từ ngày 28/6/2022 đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 07/7/2009 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 12/11/2012. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và anh B nuôi dưỡng cháu P. Chị và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án anh có lời khai:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, ly thân. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị H đi làm không quan tâm đến gia đình, con cái, chỉ lo cho bản thân, đi nhậu về khuya. Riêng chị H nói anh có tham gia chơi cờ bạc là không đúng. Anh còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Hiện nay cháu N và cháu P đang sống chung nhà với anh và chị H. Trường hợp tòa án buộc anh và chị H ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 07/7/2009 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 12/11/2012, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích H về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 07/7/2009 cho chị H nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 12/11/2012 cho anh B nuôi dưỡng. Chị H và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích H có yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Văn B, cư trú tại ấp L, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B kết hôn vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/5/2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đó, chị H cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2015, chị và anh B phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, anh B thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 28/6/2022 đến nay. Anh B cho rằng anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị H và anh B đoàn tụ nhưng không thành, chị H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn đã chứng tỏ chị không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh B. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án anh B thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, chị H không quan tâm đến gia đình, con cái. Mặc khác, theo tài liệu chứng cứ chị H cung cấp là “Tờ cam kết” ngày 15/10/2018 của anh B thể hiện anh có lời lẽ la mắng, xúc phạm và đánh chị H nên anh đã viết tờ cam kết không tái phạm và chị H đã tha thứ để cho anh có cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên, anh vẫn không thay đổi tính tình, ngày 01/7/2022, Ủy ban nhân dân xã S đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm, lăng mạ, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của chị H. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh B là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 07/7/2009 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 12/11/2012. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và anh B nuôi dưỡng cháu P. Anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu P. Xét thấy, chị H và anh B đều có việc làm, thu nhập ổn định nên cả hai đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên,

cháu N có nguyện vọng mong muốn được sống chung với chị H và cháu P có nguyện vọng mong muốn được sống chung với anh B. Hơn nữa, cháu N là cháu gái rất cần có sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu N và cháu P, tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của hai cháu cần giao cháu N cho chị H và giao cháu P cho anh B được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình quy định người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị H và anh B tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Văn B tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Văn B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H đối với anh Nguyễn Văn B.

Chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 07/7/2009 cho chị Nguyễn Thị Bích H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 12/11/2012 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Văn B tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Văn B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện

quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Văn B tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Văn B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008263 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã S, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang